

Số: 24/2024/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4706/TTr-STNMT ngày 18/10/2024 và Văn bản số 4725/STNMT-ĐĐ<sub>1</sub> ngày 18/10/2024; của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 2216/BC-STP ngày 18/10/2024 và Văn bản số 2221/STP-XDKT&TDTHPL ngày 18/10/2024; thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 18/10/2024 (Thông báo số 491/TB-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh), kết luận của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 18/10/2024 (Thông báo số 354-TB/BCSD ngày 18/10/2024 của BCS Đảng UBND tỉnh).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28/10/2024.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 75/2014/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 quy định chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Hà Tĩnh; số 34/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 và số 30/2023/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 03/11/2014.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế - Bộ TN và MT;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định chi tiết các nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, bao gồm:

1. Quy định tại khoản 4 Điều 103, khoản 2 Điều 104, khoản 2 Điều 108, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109, khoản 4, khoản 7 và khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024.

2. Quy định tại khoản 3 Điều 4, khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 2, khoản 3 Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (được sửa đổi tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Điều 3. Quy định điều kiện, tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Người có đất thu hồi được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bồi thường bằng nhà ở khi thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Địa phương nơi có đất thu hồi có quỹ đất hoặc quỹ nhà ở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, người có đất thu hồi có nhu cầu.

b) Người có đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai và Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và bảo đảm các điều kiện theo quy định tại các Điều 119, 120, 121 Luật Đất đai.

c) Người có đất thu hồi có Đơn đề nghị bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc đề nghị bồi thường bằng nhà ở.

2. Tỷ lệ quy đổi khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở được tính giá trị bằng tiền. Số tiền người có đất thu hồi được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất sẽ được quy đổi thành giá trị bằng tiền tương ứng với diện tích, loại đất, nhà ở được bồi thường; giá đất để tính quy đổi là giá đất cụ thể.

a) Trường hợp bồi thường bằng đất thương mại dịch vụ; đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thì số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất được quy đổi bằng diện tích tối thiểu của thửa đất theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

b) Trường hợp bồi thường bằng đất ở, nhà ở thì số tiền được bồi thường, hỗ trợ để quy đổi tối thiểu bằng giá trị của một lô đất tái định cư tối thiểu hoặc một căn nhà ở tái định cư tối thiểu, diện tích đất ở, nhà ở được quy đổi không quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc nhà ở tái định cư theo hồ sơ thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp bồi thường bằng đất nông nghiệp thì số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất được quy đổi tối thiểu bằng diện tích đất nông nghiệp được phép tách thửa tối thiểu do UBND tỉnh quy định, tối đa bằng hạn mức diện tích giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

**Điều 4. Bồi thường thiệt hại đối với nhà, công trình xây dựng khác theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Mức bồi thường nhà, công trình xây dựng khác quy định tại điểm b khoản 2 Điều 102 Luật Đất đai bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng khác bị thiệt hại cộng (+) 50% giá trị chênh lệch giữa giá trị xây dựng mới

của nhà, công trình xây dựng khác có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương và giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng khác bị thiệt hại.

Giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kiểm kê, đánh giá hiện trạng, căn cứ định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định. Trường hợp nhà, công trình xây dựng bị thu hồi không có trong bộ đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường theo khối lượng, giá trị thiệt hại thực tế theo quy định.

Mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

**Điều 5. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển được theo quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024**

1. Đối với vật nuôi là thủy sản tại thời điểm thu hồi mà toàn bộ diện đất ao nuôi chưa đến thời kỳ thu hoạch hoặc trường hợp thu hồi một phần diện tích ao nuôi (thửa đất, nhà kính, bể xi măng...) mà ảnh hưởng đến toàn bộ diện tích nuôi thì đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kiểm kê thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm, căn cứ định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định; trường hợp vật nuôi là thủy sản, tài sản bị thiệt hại không có trong bộ đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo khối lượng, giá trị thiệt hại thực tế.

2. Đối với vật nuôi khác không thể di chuyển được thì giao đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kiểm kê, đánh giá giá trị thiệt hại thực tế, căn cứ định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định; trường hợp vật nuôi khác không có trong bộ đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo khối lượng, giá trị thiệt hại thực tế.

**Điều 6. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai năm 2024**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất Nhà nước thu hồi mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt:

1. Mức bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là hộ độc được quy định như sau:

- Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt trong phạm vi đến 5km: 5.000.000 đồng/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân là hộ độc lập;

- Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt trong phạm vi trên 5km đến 10km: 9.000.000 đồng/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân là hộ độc lập;

- Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt trong phạm vi trên 10km đến 15km: 12.000.000 đồng/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân là hộ độc lập;

- Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt phạm vi trên 15km: 15.000.000 đồng/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân là hộ độc lập.

2. Trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ định mức, đơn giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định, lập dự toán chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp không có trong bộ đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo khối lượng, giá trị thực tế.

**Điều 7. Bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm bố trí quỹ đất trong nghĩa trang theo quy hoạch hoặc đầu tư xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch để di dời mồ mả bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí quỹ đất trong nghĩa trang theo quy hoạch hoặc đầu tư xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch để di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường: chi phí đào, bốc, di dời, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác theo định mức, đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân tự thu xếp việc di dời mồ mả không sử dụng quỹ đất do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bố trí thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền theo đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được hỗ trợ bằng tiền do tự thu xếp vị trí di dời mồ mả cụ thể như sau:

a) Tại thành phố Hà Tĩnh: 7.500.000 đồng/mộ;

b) Tại thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh: 6.500.000 đồng/mộ;

c) Tại các huyện trong tỉnh: 5.500.000 đồng/mộ.

4. Trường hợp mồ mả nằm trong phạm vi diện tích khu đất thu hồi mà không có người thân thực hiện việc di dời thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ bộ đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban công tác Mặt trận cấp thôn nơi có mồ mả phải

di dời tổ chức thực hiện di dời mô mã theo phong tục, tập quán tại địa phương. Khi tiến hành di dời phải có xác nhận tại hiện trường giữa chủ đầu tư, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, bản, tổ dân phố nơi có mô mã phải di dời để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện di dời mô mã là cơ quan tiếp nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ; trường hợp không có trong bộ đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập dự toán phương án bồi thường, hỗ trợ theo khối lượng, giá trị phát sinh thực tế.

**Điều 8. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 13/7/2024 của Chính phủ**

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với khối lượng thực tế phát sinh liên quan đến cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kiểm kê, đánh giá hiện trạng khối lượng thực tế cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, căn cứ định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định lập phương án bồi thường theo quy định; trường hợp không có quy định trong bộ đơn giá bồi thường, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường thiệt hại theo giá trị tại thời điểm thu hồi.

**Điều 9. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Đối với diện tích đất thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai được quy định như sau:

a) Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với nhóm đất nông nghiệp bằng 30% giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất tại địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với nhóm đất phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ bằng 30% chi phí đầu tư vào đất.

2. Đối với diện tích đất thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất bằng 50% giá trị đất nông nghiệp cùng loại được bồi thường theo Bảng giá đất tại địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

**Điều 10. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ được quy định như sau:

a) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, bị hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường thiệt hại một (01) lần bằng 100% mức bồi thường của từng loại đất; trường hợp không thể chuyển sang sử dụng vào mục đích đất khác trong nhóm đất nông nghiệp để tiếp tục sử dụng, người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi đất thì được thu hồi bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

b) Đối với đất ở, đất vườn ao cùng thửa đất ở nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai, đủ điều kiện để ở trong hành lang nhưng bị hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường thiệt hại một (01) lần bằng 80% mức bồi thường theo từng loại đất. Trường hợp đất ở, đất vườn ao cùng thửa đất ở trong hành lang không đảm bảo điều kiện để ở theo quy định của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành thì thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

2. Bồi thường thiệt hại tài sản gắn liền với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (được sửa đổi tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ) được quy định như sau:

a) Nhà ở, công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không mà không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định của pháp luật điện lực thì chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng được bồi thường thiệt hại một (01) lần đối với phần diện tích nhà ở, công trình xây dựng nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không. Mức bồi thường bằng 70% mức giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Nhà ở, công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân bị hành lang lưới điện cao áp chiếm dụng từ 70% diện tích trở lên thì được bồi thường thiệt hại theo mức quy định tại điểm a khoản này cho toàn bộ nhà ở, công trình xây dựng.

3. Các trường hợp hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn khác không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, tùy mức độ ảnh hưởng và tính chất



của công trình thì đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kiểm tra từng trường hợp cụ thể, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

**Điều 11. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bị thu hồi dưới 30% diện tích thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp không đủ điều kiện bồi thường về đất:

a) Thu hồi dưới 30% diện tích được hỗ trợ trong thời gian 2 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 04 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa 09 tháng.

b) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích được hỗ trợ trong thời gian 4 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 08 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa 16 tháng.

c) Thu hồi trên 70% diện tích được hỗ trợ trong thời gian 08 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 16 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa 25 tháng.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp để trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán:

a) Thu hồi dưới 30% diện tích được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa 24 tháng.

c) Thu hồi trên 70% diện tích được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có

điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng;

4. Thực hiện chi trả một lần sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt.

**Điều 12. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ 4.000 đồng/m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thu hồi đủ điều kiện bồi thường nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 2000 đồng/m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai.

3. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp được cơ quan thuế xác nhận theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP có hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc làm theo quy định của pháp luật về lao động, thời gian hỗ trợ chế độ trợ cấp 06 tháng.

5. Thực hiện chi trả một lần sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt.

**Điều 13. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở chăn nuôi khi Nhà nước thu hồi đất đủ điều kiện bồi thường về đất mà phải di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm mới theo quy hoạch thì được hỗ trợ chi phí di dời vật nuôi đến vị trí mới. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khảo sát thực tế giá thị trường căn cứ định mức, đơn giá liên quan lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm mới theo quy hoạch được phê duyệt theo khối lượng thực tế.

2. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ định mức, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời theo khối lượng thực tế.

**Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 109 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ được quy định như sau:

1. Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác:

a) Thành phố Hà Tĩnh và các xã thuộc các huyện có ranh giới tiếp giáp với các phường thuộc thành phố Hà Tĩnh:

- Thành phố Hà Tĩnh: Mức hỗ trợ bằng 3,5 lần tại các xã (trừ các xã sáp nhập vào thành phố sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành), bằng 4,5 lần tại các phường theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của địa phương do UBND tỉnh ban hành;

- Các xã thuộc huyện Thạch Hà, xã thuộc huyện Cẩm Xuyên và xã thuộc huyện Lộc Hà tiếp giáp với ranh giới các phường thuộc thành phố Hà Tĩnh (áp dụng đến khi quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh địa giới thành phố Hà Tĩnh có hiệu lực thi hành) mức hỗ trợ bằng 2,7 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của địa phương do UBND tỉnh ban hành;

- Các xã: Đỉnh Bàn, Thạch Hải, Thạch Hội, Thạch Khê, Thạch Lạc, Thạch Thắng, Thạch Trị, Thạch Văn, Tượng Sơn, Tân Lâm Hương, Thạch Đài, Cẩm Vịnh, Cẩm Bình và Hộ Độ, sau khi có quyết định sáp nhập vào thành phố Hà

Tỉnh (có hiệu lực thi hành): Mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của địa phương do UBND tỉnh ban hành.

b) Thị xã Hồng Lĩnh: Mức hỗ trợ bằng 2,7 lần tại các xã, bằng 3,7 lần tại các phường theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của địa phương do UBND tỉnh ban hành.

c) Thị xã Kỳ Anh, các thị trấn thuộc huyện: Mức hỗ trợ bằng 2,7 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của địa phương do UBND tỉnh ban hành.

d) Các xã còn lại: Mức hỗ trợ bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của địa phương do UBND tỉnh ban hành.

2. Đối với đất lâm nghiệp: Mức hỗ trợ bằng 2 lần giá đất lâm nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành.

3. Người được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này còn được hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai.

**Điều 15. Hỗ trợ thuê nhà trong thời gian bố trí tái định cư; cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai**

1. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong khoảng thời gian từ khi bàn giao mặt bằng cho đến khi được bố trí tái định cư. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà ở cụ thể được quy định như sau:

a) Thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh và thị trấn thuộc huyện: 5.000.000 đồng/hộ gia đình/tháng; 2.500.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập/tháng.

b): Các địa bàn khác: 3.000.000 đồng/hộ gia đình/tháng; 1.500.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập/tháng.

2. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt, bàn giao mặt bằng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Thông báo nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 10.000.000 đồng/hộ/cá nhân là hộ độc lập.

**Điều 16. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai; Điều 23, Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111

của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở như sau:

a) Thành phố Hà Tĩnh mức hỗ trợ: 150 triệu đồng/hộ gia đình; 70.000.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập;

b) Thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh mức hỗ trợ: 120 triệu đồng/hộ gia đình; 60.000.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập;

c) Các huyện còn lại mức hỗ trợ 100 triệu đồng/hộ gia đình; 50.000.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập.

2. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình, cá nhân là hộ độc lập chưa có đất ở, nhà ở nơi khác trong địa bàn cấp xã hoặc trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quỹ đất tại địa phương lập phương án bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư hoặc vị trí khác phù hợp theo quy định, diện tích giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất tối đa không vượt quá hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có nhà thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quỹ đất, quỹ nhà ở tại địa phương xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; diện tích giao đất ở tối đa không vượt quá hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; diện tích nhà ở tối thiểu bằng suất nơi ở tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 17. Quy định diện tích suất đất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai; Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ**

1. Suất tái định cư bằng đất ở tối thiểu được quy định cụ thể như sau:

a) Tại các phường thuộc thành phố, thị xã trong tỉnh là 70 m<sup>2</sup>;

b) Tại các thị trấn thuộc huyện và các xã thuộc thành phố, thị xã trong tỉnh là 100 m<sup>2</sup>;

c) Tại các xã thuộc các huyện trong tỉnh là 200 m<sup>2</sup>.

2. Suất nhà ở tái định cư tối thiểu: 40 m<sup>2</sup> đối với hộ gia đình; 30m<sup>2</sup> đối với cá nhân là hộ độc lập.

3. Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền:

a) Tại các phường: Giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng giá giao đất tại vị trí tái định cư nhân (x) với 70m<sup>2</sup>;

b) Tại các thị trấn thuộc huyện và các xã thuộc thành phố, thị xã trong tỉnh: Giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng giá giao đất tại vị trí tái định cư nhân (x) với 100 m<sup>2</sup>;

c) Tại các xã thuộc các huyện trong tỉnh: Giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng giá giao đất tại vị trí tái định cư nhân (x) với 200 m<sup>2</sup>;

### **Chương III**

#### **TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN, QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP**

**Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quản lý, khai thác, sử dụng quỹ đất đã thu hồi**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai phối hợp với Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, căn cứ quyết định thu hồi đất và đã bàn giao đất tại thực địa để chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; cung cấp thông tin liên quan đến việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký tại Văn phòng Đăng ký đất đai để phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

d) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chỉ đạo thực hiện các nội dung nêu trên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện, tiến độ và kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn;

b) Thành lập, chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cơ sở pháp lý, tính chính xác của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết, dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn quản lý;

c) Thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư tại địa phương và giao đất tại

khu tái định cư theo đúng quy định và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Chỉ đạo thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi cả thửa đất; chỉnh lý hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi một phần diện tích của thửa đất theo thẩm quyền; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân nhận đất tái định cư theo quy định;

e) Phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các phòng, ban trực thuộc và cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị xã hội cấp huyện, chỉ đạo UBND cấp xã: tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân chấp hành pháp luật về đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng triển khai các công trình, dự án trên địa bàn.

h) Bảo đảm điều kiện, phương tiện cần thiết phục vụ cho việc cưỡng chế quyết định thu hồi đất theo quy định;

### 3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các cơ quan liên quan và người có đất thu hồi xác nhận nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với việc xác nhận nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi theo quy định.

b) Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các cơ quan có liên quan và người có đất thu hồi thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; tổ chức thực hiện tuyên truyền, vận động Nhân dân, người sử dụng đất phối hợp thực hiện theo quy định;

c) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định; bố trí tái định cư cho người có đất bị thu hồi và thực hiện việc giải phóng mặt bằng theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức hòa giải, giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc cưỡng chế quyết định thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

về trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn.

4. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

### **Điều 19. Quy định chuyển tiếp**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 254 Luật Đất đai, Điều 31 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Những trường hợp khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này giao Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất phương án xử lý cụ thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Khi các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.







**CB địa chính**

**Chủ tịch UBND xã**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**BAN QLDA hoặc CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký tên, đóng dấu nếu có)*

**Ghi chú:**

- Tại Mục tên Tổ chức<sup>(\*)</sup>: Ghi tên tổ chức bị ảnh hưởng; Quyết định thành lập tổ chức, đơn vị; giấy đăng ký kinh doanh, số tài khoản, địa chỉ....;
- Trường hợp Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có mời Ban QLDA hoặc Chủ đầu tư thì ký vào biên bản.

**PHỤ LỤC SỐ 2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC  
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BT,  
HT, TĐC .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

-----  
Số...../BBAG

**BIÊN BẢN ÁP GIÁ BỒI THƯỜNG**

(Dự án.....)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số.../2024 /QĐ-UBND ngày.../.../.../2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định (hoặc Văn bản) số ...../QĐ-UBND ngày .../.../.... của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Giá các loại đất để thực hiện Dự án.....;

Căn cứ Quyết định số ...../.../QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND tỉnh về Ban hành Bộ đơn giá bồi thường các loại nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã; tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ; cây cối, hoa màu và nuôi trồng thủy hải sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh năm.....;

Căn cứ Quyết định (hoặc Văn bản) số ...../QĐ-UBND ngày .../.../.... của UBND huyện.....về việc phê duyệt giá đất cụ thể để .....

Căn cứ Quyết định số .../... ngày .../.../... của UBND huyện .....về việc thành lập Hội đồng (Ban chuyên trách...) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án....;

Căn cứ Biên bản kiểm đếm số ...../BBKĐ ngày .../.../..... và.....

Hôm nay, ngày .../.../... Tên đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ...tiến hành áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất, số lượng tài sản của:

**Hộ ông/bà hoặc cá nhân hoặc Tổ chức(\*):**.....

**Số CCCD hoặc CMND:** ..... Nơi cấp: .....Ngày cấp:.....

**Địa chỉ:** Số nhà ..... đường ..... thôn/tổ dân phố ..... xã/phường/thị trấn ....., huyện/ thành phố/thị xã .....

**Đối tượng chính sách:** .....

**Số điện thoại liên hệ:**.....

| TT                      | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-------------------------|----------|-------------|----------|---------|------------|---------|
| <b>I. Đất đai</b>       |          |             |          |         |            |         |
| 1.                      |          |             |          |         |            |         |
| 2. (...)                |          |             |          |         |            |         |
| <b>II. Nhà cửa, vật</b> |          |             |          |         |            |         |

|                              |  |  |  |  |  |  |
|------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| <b>kiến trúc</b>             |  |  |  |  |  |  |
| 1.                           |  |  |  |  |  |  |
| 2. (...)                     |  |  |  |  |  |  |
| <b>III. Cây cối, hoa màu</b> |  |  |  |  |  |  |
| 1.                           |  |  |  |  |  |  |
| 2. (...)                     |  |  |  |  |  |  |
| <b>IV. Mồ mả</b>             |  |  |  |  |  |  |
| (...)                        |  |  |  |  |  |  |
| <b>V. Chế độ hỗ trợ</b>      |  |  |  |  |  |  |
| 1.                           |  |  |  |  |  |  |
| 2. (...)                     |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng</b>                  |  |  |  |  |  |  |
|                              |  |  |  |  |  |  |

**ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ  
CÁC THÀNH VIÊN**

**THỦ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BAN QLDA hoặc CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Nếu có)

**Ghi chú:** Trường hợp Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có mới Ban QLDA hoặc Chủ đầu tư thì ký vào biên bản.

**PHỤ LỤC SỐ 3**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN:.....  
ĐOẠN/HẠNG MỤC:.....**

(Kèm theo Tờ trình số.....ngày... tháng... năm... của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện.....)

| TT  | Họ và tên   | Địa chỉ | DT thu hồi (ĐVT: m <sup>2</sup> ) |            |            | Giá trị bồi thường (ĐVT: đồng) |                        |                  |                        | Giá trị hỗ trợ (ĐVT: đồng) |                                      |     |           | Tổng giá trị BT, HT (ĐVT: đồng) | Ghi chú |
|-----|-------------|---------|-----------------------------------|------------|------------|--------------------------------|------------------------|------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------------------|-----|-----------|---------------------------------|---------|
|     |             |         | Đất ở (*)                         | Đất NN (*) | Đất... (*) | Đất                            | Nhà cửa, vật kiến trúc | Cây cối, hoa màu | Hỗ trợ chuyển đổi nghề | Hỗ trợ di chuyển           | Hỗ trợ khác (ghi rõ nội dung hỗ trợ) | ... | Tổng tiền |                                 |         |
|     |             |         |                                   |            |            |                                |                        |                  |                        |                            |                                      |     |           |                                 |         |
| 1   |             |         |                                   |            |            |                                |                        |                  |                        |                            |                                      |     |           |                                 |         |
| 2   |             |         |                                   |            |            |                                |                        |                  |                        |                            |                                      |     |           |                                 |         |
| ... |             |         |                                   |            |            |                                |                        |                  |                        |                            |                                      |     |           |                                 |         |
|     | <b>Tổng</b> |         |                                   |            |            |                                |                        |                  |                        |                            |                                      |     |           |                                 |         |

Ghi chú: (\*) Diện tích thu hồi tổng hợp chi tiết theo từng loại đất tại biên bản kiểm kê và biên bản áp giá bồi thường, hỗ trợ.

**ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ  
NGƯỜI TỔNG HỢP**

**THỦ TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BAN QLDA hoặc CHỦ ĐẦU TƯ**

(Nếu có)

**Ghi chú:** Trường hợp Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có mới Ban QLDA hoặc Chủ đầu tư thì ký vào biên bản.



**PHỤ LỤC SỐ 5**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**ỦY BAN NHÂN DÂN ...**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

..., ngày..... tháng .....năm ....

**THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT**

**để thực hiện dự án.....**

Căn cứ <sup>1</sup> ... Luật Đất đai

Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của ..... đã được Ủy ban nhân dân..... phê duyệt ngày.... tháng ... năm ...;

Căn cứ tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án <sup>2</sup> .....

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc của Phòng Tài nguyên và Môi trường) tại Tờ trình số ..... ngày .....tháng .....năm.....

Ủy ban nhân dân ..... thông báo như sau:

**1. Thu hồi đất** của ..... (ghi tên người có đất thu hồi)

- Địa chỉ thường trú .....

- Diện tích đất dự kiến thu hồi.....

- Thửa đất số ..., thuộc tờ bản đồ số ... tại xã .....

.....  
- Loại đất đang sử dụng<sup>3</sup>.....

**2. Lý do thu hồi đất:** .....

**3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:**

Trong thời gian bắt đầu từ ngày....tháng ... năm ....đến ngày....tháng ...năm <sup>4</sup>

**4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư:**

.....  
Ông/bà.....có trách nhiệm phối hợp với<sup>5</sup> .....thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển

khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận**

- Như mục 4;

- Lưu: .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



*1 Ghi rõ điểm, khoản nào của Luật Đất đai;*

*2 Ghi rõ tên, địa chỉ dự án ghi trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm ...*

*3 Một loại hoặc nhiều loại đất*

*4 Trường hợp thu hồi theo từng giai đoạn thực hiện dự án thì ghi rõ thời gian thực hiện từng giai đoạn.*

*5 Ghi rõ tổ chức làm nhiệm vụ ...*